

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2010**  
**ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2010**

**MỤC LỤC**

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê - Phường La Khê - Hà Đông - Hà Nội

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Lại Việt Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Uy	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Cao Châu Tuệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đỗ Việt	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Lại Việt Cường**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 08 năm 2010

Số: 1864/2010/BCKT/IFC-ACAGroup1

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT**

**Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long**

**Kính gửi :** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc soát xét.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Lê Xuân Thắng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Ngày 10 tháng 08 năm 2010

---

**Phạm Tiến Dũng**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01 - DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	1/1/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.641.986.905.568</b>	<b>1.357.384.597.933</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>57.759.987.571</b>	<b>45.248.940.069</b>
1. Tiền	111	V.1	57.759.987.571	45.248.940.069
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>40.633.019.322</b>	<b>70.008.689.953</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	40.633.019.322	70.008.689.953
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.122.295.780.452</b>	<b>613.614.752.070</b>
1. Phải thu khách hàng	131		178.236.785.470	113.596.701.511
2. Trả trước cho người bán	132		897.862.811.967	493.894.019.319
5. Các khoản phải thu khác	135		46.196.183.015	6.124.031.240
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>262.409.773.695</b>	<b>495.129.781.741</b>
1. Hàng tồn kho	141		262.409.773.695	495.129.781.741
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>158.888.344.528</b>	<b>133.382.434.100</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		718.663.096	1.315.991.264
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.422.425.586	27.573.083.192
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	143.747.255.846	104.493.359.644
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.315.847.915.155</b>	<b>1.535.520.435.928</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.613.627.952.177</b>	<b>1.233.384.518.233</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	307.596.650.880	361.647.885.779
- Nguyên giá	222		368.206.316.285	387.440.609.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.609.665.405)	(25.792.724.065)
3. Tài sản cố định vô hình	227		62.179.964	76.838.180
- Nguyên giá	228		113.248.820	113.248.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.068.856)	(36.410.640)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	1.305.969.121.333	871.659.794.274
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>459.947.800.023</b>	<b>199.382.065.730</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	22.313.656.221	23.799.156.221
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	261.832.500.000	128.454.909.509
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	175.801.643.802	47.128.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>242.272.162.955</b>	<b>102.753.851.965</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	91.442.162.955	102.753.851.965
3. Tài sản dài hạn khác	268		150.830.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.957.834.820.723</b>	<b>2.892.905.033.861</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01 - DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	1/1/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.789.244.590.073</b>	<b>2.727.294.615.573</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.982.229.628.068</b>	<b>789.033.184.857</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1.117.709.608.730	299.480.638.380
2. Phải trả người bán	312		98.826.488.015	132.734.293.647
3. Người mua trả tiền trước	313		416.678.219.163	140.043.793.083
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	29.485.361.720	52.309.763.390
5. Phải trả người lao động	315		2.358.709.575	3.184.328.446
6. Chi phí phải trả	316		120.091.720.483	87.161.127.439
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		196.685.315.788	74.119.240.472
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		394.204.594	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.807.014.962.005</b>	<b>1.938.261.430.716</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.807.014.962.005	1.938.261.430.716
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>168.590.230.650</b>	<b>165.610.418.288</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>168.590.230.650</b>	<b>165.610.418.288</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.000.000.000	16.000.000.000
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.033.728.434	6.933.728.434
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.089.365.570	5.089.365.570
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.467.136.646	37.587.324.284
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.957.834.820.723</b>	<b>2.892.905.033.861</b>

**Lại Việt Cường**

**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 08 năm 2010

**Nguyễn Đình Thuận**

**Kê toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 02 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	862.530.849.225	165.688.854.164
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	260.499.186
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		862.530.849.225	165.428.354.978
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	769.892.037.750	139.626.853.007
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.638.811.475	25.801.501.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.246.826.561	425.712.719
7. Chi phí tài chính	22		33.817.632.286	1.081.095.220
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		33.817.632.286	1.081.095.220
8. Chi phí bán hàng	24		10.437.658.218	833.213.742
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.179.152.469	8.148.782.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.451.195.063	16.164.122.960
11. Thu nhập khác	31		18.597.825.103	3.588.358.646
12. Chi phí khác	32		18.502.798.367	3.486.711.134
13. Lợi nhuận khác	40		95.026.736	101.647.512
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.546.221.799	16.265.770.472
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		7.079.085.153	2.846.509.833
16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.467.136.646	13.419.260.639

Lại Việt Cường  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Đình Thuận  
Kê toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MÃU B 03 - DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	506.450.104.761	255.511.052.241
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(775.282.816.438)	(264.587.095.329)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(14.896.611.199)	(10.331.502.281)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(45.707.137.211)	(18.256.404.008)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(3.335.188.317)	(5.052.739.913)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.105.845.875.557	595.853.968.171
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(1.494.864.848.184)	(844.202.383.894)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(721.790.621.031)</b>	<b>(291.065.105.013)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(55.899.947.404)	(230.655.932)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	60.000.000	1.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(174.034.560.146)	(1.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.298.174.705	427.179.388
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(223.576.332.845)</b>	<b>(801.976.544)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.194.399.673.178	465.522.631.839
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(216.521.671.800)	(98.148.343.169)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>957.878.001.378</b>	<b>347.374.288.670</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>12.511.047.502</b>	<b>55.507.207.113</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>45.248.940.069</b>	<b>16.449.774.175</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>57.759.987.571</b>	<b>71.956.981.288</b>

**Lại Việt Cường**

**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 08 năm 2010

**Nguyễn Đình Thuận**

**Kê toán trưởng**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014906 ngày 05 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi 8 lần. Lần sửa đổi cuối cùng là ngày 10 tháng 10 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi đến thời điểm lập báo cáo này số vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buru điện, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến áp;
- Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc xây dựng (không tái chế phế thải, luyện kim, đúc, xi mạ điện);
- Vận tải vật tư, thiết bị ngành xây dựng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán điện;
- Trồng rừng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Mua bán thiết bị máy công nghiệp, nguyên vật liệu sản xuất ngành công nghiệp và các thiết bị ngành xây dựng;
- Khai thác mỏ lộ thiên, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); khoan tạo lỗ; khoan cọc nhồi và xử lý nền móng;
- Đầu tư, kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc ngành xây dựng, đồ trang trí nội ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư xây dựng; chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Mua bán, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, tự động hoá;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và dầu mỡ phụ;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hàng hoá công ty kinh doanh;
- Kinh doanh các loại dịch vụ phục vụ khu đô thị, khu công nghiệp;
- Dịch vụ nhận ủy thác đầu tư;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Lập dự án đầu tư các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Lập dự toán, thẩm định dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đến nhóm A;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị đến nhóm A;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản, quảng cáo bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Các ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 27/02/2006 ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản	03 - 07

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm tiền thuê đất của Văn phòng Tổng công ty và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này liên quan đến hàng tồn kho được hạch toán vào giá trị hàng tồn kho, các khoản mục khác được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	533.703.773	1.942.928.525
Tiền gửi ngân hàng	57.226.283.798	43.306.011.544
	<b>57.759.987.571</b>	<b>45.248.940.069</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực	14.070.070.255	70.008.689.953
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long F	26.562.949.067	
	<b>40.633.019.322</b>	<b>70.008.689.953</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	7.107.522.935	13.977.413.581
Công cụ, dụng cụ	-	899.919.479
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	253.007.694.706	479.820.939.924
Hàng hóa	2.294.556.054	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>262.409.773.695</b>	<b>495.129.781.741</b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng thi công	135.749.461.855	100.899.632.394
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	7.997.793.991	3.593.727.250
	<b>143.747.255.846</b>	<b>104.493.359.644</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê  
quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2010	<b>15.433.825.365</b>	<b>352.372.524.891</b>	<b>9.425.049.295</b>	<b>2.675.973.830</b>	<b>7.533.236.463</b>	<b>387.440.609.844</b>
Mua trong năm	316.100.000	1.272.866.819	1.470.320.000	454.933.339		3.514.220.158
Tặng khác		225.264.420.099	25.181.819	26.231.000		225.315.832.918
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.630.642.035)	(442.630.000)	(314.101.136)	-	(2.387.373.171)
- Giảm khác	-	(243.173.887.650)	(2.270.567.067)	(232.518.747)	-	(245.676.973.464)
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>15.749.925.365</b>	<b>334.105.282.124</b>	<b>8.207.354.047</b>	<b>2.610.518.286</b>	<b>7.533.236.463</b>	<b>368.206.316.285</b>
<b>KHẤU HAO</b>						
Tại ngày 01/01/2010	<b>606.733.289</b>	<b>23.362.321.653</b>	<b>941.500.888</b>	<b>709.336.523</b>	<b>172.831.712</b>	<b>25.792.724.065</b>
Khấu hao trong kỳ	589.138.857	34.823.041.996	455.432.768	312.581.757	1.331.132.400	37.511.327.778
Tặng khác		39.595.069.181	47.096.655	12.495.187	3.000.000	39.657.661.023
Thanh lý, nhượng bán	-	(207.289.165)	(36.885.834)	(65.892.786)	-	(310.067.785)
Giảm khác	-	(41.449.979.856)	(476.491.804)	(115.508.016)	-	(42.041.979.676)
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>1.195.872.146</b>	<b>56.123.163.809</b>	<b>930.652.673</b>	<b>853.012.665</b>	<b>1.506.964.112</b>	<b>60.609.665.405</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2010	<b>14.827.092.076</b>	<b>329.010.203.238</b>	<b>8.483.548.407</b>	<b>1.966.637.307</b>	<b>7.360.404.751</b>	<b>361.647.885.779</b>
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>14.554.053.219</b>	<b>277.982.118.315</b>	<b>7.276.701.374</b>	<b>1.757.505.621</b>	<b>6.026.272.351</b>	<b>307.596.650.880</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
DA khách sạn tại 3B Phan Đình Phùng - HK - HN	130.296.002.438	121.456.003.487
DA chung cư cao cấp Sao Mai tại đường 77 - Q.7 - Tp. HCM	140.005.272.890	133.015.017.956
DA chung cư tại Phường Tân Kiểng - Q.7 - Tp. HCM	262.596.928.068	243.825.912.818
DA Văn phòng cho thuê tại đường Yên Thế - Tp. HCM	57.784.008.250	25.231.237.823
DA khách sạn 5 sao tại đường Lý Thường Kiệt - Tp. Huế	166.548.895.178	151.611.144.000
DA chung cư Phú Xuân - Nhà Bè - Tp. HCM	89.061.235.401	83.416.278.068
DA khu dân cư Đường Nguyễn Bình - Tp. HCM	85.592.813.081	81.090.184.440
DA Khu đô thị mới Phú Lãm - Hà Đông - HN	4.103.554.030	4.103.554.030
DA biệt thự tại TP. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng	13.526.370.795	12.749.137.908
Mua sắm TSCĐ	65.435.903.519	3.439.996.341
Xây dựng trạm trộn bê tông tại đường Nguyễn Bình - TP. HCM	3.444.669.529	2.009.616.622
Xây dựng trụ sở Chi nhánh HCM	-	9.423.077.419
Xây dựng trụ sở Xí nghiệp 2	-	288.633.362
Dự án Khu đô thị biển An Viên - Nha Trang	177.176.926.235	-
Dự án Cồn Tân Lập - Nha Trang	14.634.997.440	-
Dự án Khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo - Hòa Bình	18.716.412.161	-
Dự án Khách sạn Phú Yên	111.518.240	-
Dự án Văn Khê cũ	10.092.653.667	-
Dự án Văn Khê mở rộng	64.876.500.513	-
Dự án khu công nghiệp bờ trái Hòa Bình	875.364.989	-
Xây dựng trụ sở Văn phòng Công ty	270.000.000	-
Lắp đặt đường dây trung thế, hạ thế trạm BA Mỏ đá Đambri Đà Lạt	647.672.182	-
Bóc đất tầng phủ Mỏ đá Đambri Đà Lạt	171.422.727	-
	<b>1.305.969.121.333</b>	<b>871.659.794.274</b>

**7. Đầu tư vào công ty con**

	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Đầu tư và Truyền thông Thăng Long	97%	11,000,000,000	11,000,000,000
Công ty CP Sông Đà 1	51%	-	11,485,500,000
Công ty TNHH Franken Nguyễn (*)	48.85%	1,313,656,221	1,313,656,221
Công ty CP Thăng Long - Sài Gòn	66.56%	10,000,000,000	-
		<b>22,313,656,221</b>	<b>23,799,156,221</b>

(\*) : Quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Franken Nguyễn là 51%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Tỷ lệ góp vốn	30/06/2010 VND	Tỷ lệ góp vốn	01/01/2010 VND
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	20%	14,000,000,000	20%	14,000,000,000
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	25%	51,862,000,000	25%	46,862,000,000
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	40%	20,000,000,000	40%	20,000,000,000
Công ty CP Sông Đà - Thăng Long M	26%	5,000,000,000	26%	5,000,000,000
Công ty CP Sông Đà 207	40%	29,700,000,000	40%	29,700,000,000
Công ty CP Địa Ốc Đất Vàng Việt	31%	12,200,000,000	31%	8,000,000,000
Công ty CP Sông Đà - Việt Hà	28%	20,000,000,000	28%	1,234,563,009
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	39%	4,320,000,000	39%	2,878,346,500
Cty TNHH 1 TV KDDVTM Thăng Long	47%	780,000,000	47%	780,000,000
Công ty cổ phần Sông Đà 1	38%	22,970,500,000		-
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	30%	60,000,000,000		-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thăng Long	33%	21,000,000,000		-
		<b>261,832,500,000</b>		<b>128,454,909,509</b>

**9. Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP Đầu tư Kansai Vinashin	116.773.643.802	-
Công ty TNHH Du lịch Thương mại Thuận Phú	7.128.000.000	7.128.000.000
Trường Tiểu học Chu Văn An	3.000.000.000	3.000.000.000
Trường mầm non Sao Khuê	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Sông Đà 11 - Thăng Long	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Tài Chính CP Sông Đà	40.900.000.000	29.000.000.000
	<b>175.801.643.802</b>	<b>47.128.000.000</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí thuê đất trụ sở Văn phòng Tổng Công ty	20.613.837.568	20.828.192.896
Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ xây lắp	62.499.113.270	63.385.305.423
Chi phí khác	8.329.212.117	18.540.353.646
	<b>91.442.162.955</b>	<b>102.753.851.965</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
NH NN&PTNT Bắc Hà Nội	144.674.000.000	79.280.638.380
Ngân hàng Quân Đội - CN Mỹ Đình	20.000.000.000	-
Công ty tài chính CP Sông Đà	759.200.000.000	148.200.000.000
Ngân hàng An Bình	191.237.293.000	-
Bà Nguyễn Bích Viễn	-	3.500.000.000
Ngân hàng Sea Bank	2.598.315.730	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	68.500.000.000
	<b>1.117.709.608.730</b>	<b>299.480.638.380</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	3.463.460.172	5.165.724.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.208.577.916	10.846.424.725
Thuế thu nhập cá nhân	833.939.382	244.598.695
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	29.243.384.250
Các loại thuế khác	12.979.384.250	6.809.630.926
	<b>29.485.361.720</b>	<b>52.309.763.390</b>

**13. Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng NN&PTNT Bắc HN	29.078.575.499	20.274.992.955
Ngân hàng Techcombank	15.795.393.599	19.832.172.721
Vay vốn các cá nhân	612.656.181.807	746.276.894.432
Công ty Tài chính CP Sông Đà	11.500.000.000	13.800.000.000
Công ty Tài chính CP Điện Lực	367.984.811.100	308.077.370.608
Ngân hàng Quân Đội - CN Mỹ Đình	100.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng An Bình	60.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ĐT BĐS Anh Phương	10.000.000.000	10.000.000.000
Trái phiếu công ty	600.000.000.000	600.000.000.000
	<b>1.807.014.962.005</b>	<b>1.938.261.430.716</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ-THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê  
quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>6.933.728.434</b>	<b>5.089.365.570</b>	<b>37.587.324.284</b>	<b>165.610.418.288</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	26.467.136.646	26.467.136.646
Trích các quỹ (*)	-	-	9.100.000.000	5.000.000.000	(17.587.324.284)	(3.487.324.284)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>16.033.728.434</b>	<b>10.089.365.570</b>	<b>26.467.136.646</b>	<b>168.590.230.650</b>

(\*): Công ty trích các Quỹ và chi cổ tức theo Nghị Quyết số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2010. Theo đó, Công ty trả cổ tức với tỷ lệ 20% vốn điều lệ (tương đương 20 tỷ đồng), trích lập Quỹ đầu tư phát triển 9,1% vốn điều lệ (tương đương 9,1 tỷ đồng), trích Quỹ dự phòng tài chính 5% vốn điều lệ (tương đương 5 tỷ đồng), trích kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 486 triệu đồng và trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 3.001.324.284 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Doanh thu KDTM và cung cấp dịch vụ	109.913.109.494	18.061.322.130
Doanh thu kinh doanh bất động sản	509.616.532.613	128.990.934.947
Doanh thu hoạt động xây lắp	48.604.580.689	18.636.597.087
Doanh thu khác	194.396.626.429	-
	<b>862.530.849.225</b>	<b>165.688.854.164</b>

**2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Giá vốn KDTM và cung cấp dịch vụ	108.804.755.799	17.327.202.489
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	424.321.917.972	104.609.388.781
Giá vốn hoạt động xây lắp	42.368.737.550	17.690.261.737
Giá vốn khác	194.396.626.429	-
	<b>769.892.037.750</b>	<b>139.626.853.007</b>

**3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.983.924.705	425.712.719
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.314.250.000	-
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	948.651.856	-
	<b>7.246.826.561</b>	<b>425.712.719</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	9.706.918.008	523.555.061
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	7.695.137.731	-
Công ty CP Bất Động Sản Thăng Long	-	314.926.037
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	-	2.696.018.241
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	11.026.524.227	-
Công ty CP Sông Đà 207	9.411.747.776	-
Công ty CP Sông Đà 1	4.038.222.067	86.828.451
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	375.622.787	-
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	205.805.592.539	-
	<b><u>248.059.765.135</u></b>	<b><u>3.621.327.790</u></b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP ĐT và Truyền thông Thăng Long	7.601.038.816	6.026.181.455
Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn	17.564.761.466	-
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	26.595.867.775	2.653.575.796
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	11.504.501.004	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	14.124.766.776	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	1.740.082.927	-
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	12.204.606.119	-
Công ty CP Sông Đà 207	72.819.097.317	-
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	2.624.384.974	-
Công ty TNHH KD DV TM Thăng Long	2.736.690.493	-
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	54.818.961.018	-
	<b><u>224.334.758.685</u></b>	<b><u>2.653.575.796</u></b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan như sau:**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP ĐT và Truyền thông Thăng Long	3.754.643.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn	5.000.000.000	-
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	49.153.294.260	-
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	-	7.624.098.571
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	62.405.000	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	26.007.796.396	-
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	1.110.329.207	-
Công ty CP Sông Đà 2.07	4.087.060.813	-
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	63.350.360.309	-
Công ty CP Sông Đà 1	66.442.044.275	-
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	6.209.563.156	-
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	67.762.060.444	-
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	38.923.840.218	4.102.362.569
Công ty CP Sông Đà 207	20.000.000.000	1.817.508.511
Công ty CP đầu tư và truyền thông Thăng Long	1.705.424.011	987.044.124
Công ty CP Sông Đà 1	-	175.891.316
Công ty CP Thăng Long Sài Gòn	200.000.000	-

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-DHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2010, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng bằng cách phát hành 3 triệu cổ phiếu để thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành 2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 08 tháng 07 năm 2010.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của giai đoạn hoạt động từ 1/1/2009 đến 30/06/2009.

**Lại Việt Cường**  
Phó Tổng Giám đốc

**Nguyễn Đình Thuận**  
Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 08 năm 2010